Người ký: TRUNG TÂM THÔNG TIN - HỘI NGHỊ TỈNH QUẢNG NGÃI
Email: ttht@quangngai.gov.vn
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
Thời gian ký: 07.08.2026 13:56:26 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 298 /KH-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 07 tháng 8 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Triển khai Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045 *(Chiến lược)*; xét đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 162/TTr-SKHCN ngày 31/7/2026[1], Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Tổ chức quán triệt, cụ thể hóa và triển khai đầy đủ, đồng bộ, hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chiến lược, gắn việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và các chương trình, kế hoạch có liên quan của Trung ương, của tỉnh.

- Thực hiện chuyển đổi số toàn diện, đồng bộ, sâu rộng, bao trùm; lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, là chủ thể và đối tượng thụ hưởng. Phát triển chính quyền số hiện đại, quản trị dựa trên dữ liệu và trí tuệ nhân tạo; thúc đẩy kinh tế số, xã hội số, công nghiệp công nghệ số; nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh và chất lượng cuộc sống của Nhân dân.

- Phát triển đồng bộ thể chế số, hạ tầng số, dữ liệu số, nền tảng số, nhân lực số và doanh nghiệp công nghệ số; bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bí mật nhà nước và chủ quyền số quốc gia; huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực để hoàn thành các mục tiêu đến năm 2030 và tạo nền tảng thực hiện tầm nhìn đến năm 2045.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Về phát triển chính phủ số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.

- 99% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- 100% sở, ban ngành, địa phương sử dụng thống nhất, hiệu quả các nền tảng số dùng chung quốc gia phục vụ chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ công.

---

[1] Về triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- 100% hệ thống thông tin được kết nối, chia sẻ dữ liệu qua dịch vụ chia sẻ dữ liệu.

- 100% cơ sở dữ liệu dùng chung ngành, lĩnh vực cấp tỉnh được chuẩn hóa, kết nối, phân quyền và sẵn sàng khai thác cho AI.

- Đảm bảo Trung tâm điều hành thông minh được tích hợp AI phục vụ phân tích, dự báo, cảnh báo, giám sát và hỗ trợ ra quyết định.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước có hồ sơ điện tử theo quy định.

- 70% số chỉ tiêu thống kê thuộc các hệ thống chỉ tiêu thống kê được biên soạn từ nguồn dữ liệu hành chính.

- 100% cán bộ lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước được đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng số.

- 100% cán bộ chuyên trách về chuyển đổi số, công nghệ thông tin được đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật công nghệ số.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức có tài khoản và được đào tạo sử dụng nền tảng trợ lý AI công vụ.

b) Về phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh

- Quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 30% GRDP.

- Phấn đấu Hỗ trợ tối thiểu 5.000 doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số.

- Phấn đấu Tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử so với tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt từ 15 - 17%.

- Phấn đấu đạt 45% số doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trong lĩnh vực thương mại tham gia các sàn thương mại điện tử lớn trong và ngoài nước.

- Phấn đấu giá trị thanh toán không dùng tiền mặt gấp 30 lần GRDP.

- Phấn đấu trên 40% doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, sử dụng nền tảng "mô hình như một dịch vụ", tác nhân AI hoặc giải pháp AI dùng chung.

c) Về phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ 100% hộ gia đình.

- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt tối thiểu 95%.

- Phấn đấu tỷ lệ dân số từ 18 tuổi trở lên có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 70%.

- Phấn đấu tỷ lệ người dân được lập sổ sức khỏe điện tử đạt 100%.

- Phấn đấu đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cơ bản cho tối thiểu 1.500.000 lượt người trong độ tuổi lao động.

3. Mục tiêu đến năm 2045: Phấn đấu quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 50% GRDP, kinh tế số trở thành một trong những động lực phát triển chủ yếu của nền kinh tế.

(Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo)

III. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Hoàn thiện thể chế số

a) Hoàn thiện đồng bộ thể chế số, bảo đảm thể chế đi trước, tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho đổi mới sáng tạo, phát triển công nghệ số, dữ liệu số và AI; đưa chuyển đổi số trở thành động lực đột phá quan trọng hàng đầu để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị, nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế và chất lượng cuộc sống của Nhân dân.

b) Rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các chương trình, kế hoạch để đáp ứng yêu cầu về dữ liệu, giao dịch điện tử, định danh và xác thực điện tử, chữ ký số, thanh toán số, dịch vụ công trực tuyến, nền tảng số, AI, tài sản số, kinh tế dữ liệu, thương mại điện tử, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin mạng và các mô hình quản lý, sản xuất, kinh doanh mới trên môi trường số. Thể chế số phải đáp ứng đồng thời yêu cầu phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và công nghiệp công nghệ số; chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm, tạo môi trường thuận lợi cho đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ số.

c) Hoàn thiện cơ chế, chính sách để cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với thủ tục hành chính đủ điều kiện; tăng dần tỷ lệ người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến; tăng tỷ lệ hồ sơ được xử lý hoàn toàn trực tuyến; bảo đảm việc số hóa, tái sử dụng dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính; đơn giản hóa thành phần hồ sơ trên cơ sở khai thác dữ liệu đã có trong các hệ thống của cơ quan nhà nước. Từng bước triển khai dịch vụ công trực tuyến chủ động, cá thể hóa và tự động trên cơ sở khai thác dữ liệu và ứng dụng AI. Khuyến khích các nền tảng số, siêu ứng dụng, ứng dụng ngân hàng và trung gian thanh toán đủ điều kiện tham gia tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, mở rộng kênh tiếp cận thuận tiện cho người dân, doanh nghiệp.

d) Hoàn thiện thể chế về quản trị dữ liệu, dữ liệu mở, dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu tổng hợp, kho tri thức số, thị trường dữ liệu, sàn dữ liệu, nền tảng số dùng chung. Tuân thủ các quy định về tạo lập, chuẩn hóa, kết nối, chia sẻ, tái sử dụng, định giá, thương mại hóa dữ liệu; cơ chế kết nối dữ liệu giữa khu vực công và khu vực tư; cơ chế khai thác dữ liệu hành chính phục vụ thống kê, điều hành, dự báo và hoạch định chính sách, từng bước giảm phụ thuộc vào điều tra thủ công. Xây dựng cơ chế khai thác dữ liệu phục vụ phát triển AI, bảo đảm quyền riêng tư, an toàn dữ liệu và chủ quyền dữ liệu quốc gia.

đ) Đổi mới cơ chế đầu tư, đặt hàng, giao nhiệm vụ, thuê dịch vụ công nghệ số, mua sắm công, hợp tác công tư và các cơ chế tạo lập thị trường nhằm phát huy vai trò Nhà nước là khách hàng lớn, người dẫn dắt thị trường và người sử dụng đầu tiên đối với sản phẩm, dịch vụ công nghệ số Việt Nam. Ưu tiên sản phẩm,

nền tảng, dịch vụ "Make in Viet Nam"; tạo thị trường ban đầu cho các sản phẩm công nghệ số phục vụ các bài toán lớn của tỉnh. Nghiên cứu gắn kết quả đánh giá chuyển đổi số và mức độ hoàn thành các mục tiêu với việc ưu tiên bố trí, phân bổ nguồn lực cho các đơn vị, địa phương, bảo đảm phù hợp với pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công và các quy định có liên quan.

e) Triển khai cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đối với công nghệ, sản phẩm, dịch vụ và mô hình kinh doanh số mới; nghiên cứu triển khai thí điểm trong phạm vi, thời gian và điều kiện xác định để đánh giá tác động, hoàn thiện chính sách, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, thương mại hóa công nghệ và phát triển các ngành kinh tế mới.

2. Phát triển hạ tầng số

a) Phát triển hạ tầng số trở thành hạ tầng thiết yếu, hạ tầng chiến lược của tỉnh; là nền tảng cho dữ liệu số, AI, chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và công nghiệp công nghệ số. Hạ tầng số phải được quy hoạch, đầu tư, quản lý đồng bộ, hiện đại, an toàn, bền vững, có khả năng mở rộng, kết nối liên thông và đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong giai đoạn mới.

b) Ưu tiên phát triển hạ tầng băng rộng cố định và di động tốc độ cao, hạ tầng 5G và các thế hệ mạng di động tiếp theo; hạ tầng Internet vạn vật, điện toán đám mây, điện toán biên, trung tâm dữ liệu, hạ tầng tính toán hiệu năng cao, hạ tầng phục vụ AI và các nền tảng kết nối số quy mô lớn. Phát triển đồng bộ hạ tầng viễn thông mặt đất và hạ tầng vệ tinh, bảo đảm kết nối số an toàn, liên tục trên phạm vi toàn quốc, nhất là vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Đẩy nhanh phổ cập hạ tầng mạng băng rộng cáp quang đến hộ gia đình, mở rộng khả năng tiếp cận hạ tầng số tại các khu vực khó khăn, góp phần thu hẹp khoảng cách số. Bảo đảm hạ tầng số có năng lực chống chịu trước rủi ro an ninh mạng, thiên tai, khủng hoảng, gián đoạn chuỗi cung ứng và các thách thức an ninh phi truyền thống.

c) Phát triển hạ tầng số dùng chung của khu vực công theo hướng thống nhất, hiện đại, linh hoạt, an toàn, bảo mật. Hoàn thiện hạ tầng định danh số, xác thực số, chữ ký số, thanh toán số, địa chỉ số, bản đồ số, hạ tầng tích hợp, chia sẻ và điều phối dữ liệu; hạ tầng giám sát, đo lường, cảnh báo và điều hành số phục vụ quản trị dựa trên dữ liệu theo thời gian thực.

d) Huy động hiệu quả nguồn lực của Nhà nước, doanh nghiệp và toàn xã hội; thúc đẩy hợp tác công - tư trong phát triển hạ tầng số, nhất là trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây, cáp quang, hạ tầng viễn thông thế hệ mới, hạ tầng thanh toán số và hạ tầng chữ ký số; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư phát triển hạ tầng số hiện đại, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững.

3. Phát triển dữ liệu số, nền tảng số dùng chung

a) Xác định dữ liệu là tài nguyên chiến lược, nền tảng vận hành của chính phủ số, chính quyền số, động lực của kinh tế số, nguồn lực phát triển xã hội số. Thiết lập phương thức quản trị dữ liệu thống nhất theo nguyên tắc dữ liệu đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung, được bảo vệ an toàn và khai thác hiệu quả.

b) Tập trung xây dựng, phát triển, hoàn thiện, kết nối liên thông và chia sẻ, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh với các cơ sở dữ liệu quốc gia *(việc xây dựng, phát triển cơ sở dữ liệu, phần mềm và nền tảng số chuyên ngành phải ưu tiên sử dụng các nền tảng số dùng chung quốc gia, nền tảng số dùng chung của bộ, ngành Trung ương và của tỉnh; bảo đảm kết nối, liên thông, kế thừa dữ liệu, tránh đầu tư trùng lặp, phân tán và lãng phí nguồn lực)*; hình thành cơ sở dữ liệu tổng hợp có tích hợp, sử dụng AI để phục vụ chỉ đạo, điều hành, cung cấp dịch vụ công, phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Ưu tiên các dữ liệu nền tảng về dân cư, đất đai, doanh nghiệp, tài chính, bảo hiểm, y tế, giáo dục, lao động, an sinh xã hội, cán bộ, công chức, viên chức, giao thông, tài nguyên và môi trường.

c) Đẩy mạnh số hóa, chuẩn hóa, làm sạch và tái sử dụng dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính. Bảo đảm dữ liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được chia sẻ, tái sử dụng theo quy định để đơn giản hóa hồ sơ, rút ngắn thời gian xử lý, nâng cao tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình và nâng cao mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

d) Thúc đẩy mở dữ liệu của cơ quan nhà nước bảo đảm chất lượng, khả năng khai thác, sử dụng và tái sử dụng. Ưu tiên các bộ dữ liệu có giá trị cao phục vụ đổi mới sáng tạo, nghiên cứu khoa học, phát triển doanh nghiệp, thương mại điện tử, dịch vụ số, thống kê, dự báo và giải quyết các vấn đề xã hội. Phát triển thị trường dữ liệu, sàn dữ liệu và dịch vụ dữ liệu theo lộ trình phù hợp; phấn đấu hình thành các sàn dữ liệu an toàn, tuân thủ pháp luật, tạo nền tảng cho kinh tế dữ liệu và kinh tế số phát triển.

đ) Bảo đảm mọi hoạt động phát triển dữ liệu và nền tảng số gắn với tự chủ công nghệ, bảo đảm chủ quyền dữ liệu, chủ quyền số, an ninh dữ liệu, an toàn thông tin mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, quyền riêng tư, bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh và quyền, lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp.

4. Phát triển nhân lực số

a) Phát triển nhân lực số là nhiệm vụ then chốt để chuyển đổi số thành công, cần có các cơ chế chính sách ưu tiên, ưu đãi, hỗ trợ phát triển nhân lực số toàn diện, gồm nhân lực công nghệ số, nhân lực quản trị chuyển đổi số, lực lượng lao động có kỹ năng số, phổ cập kiến thức, kỹ năng số cho người dân, hộ gia đình, doanh nghiệp có năng lực tham gia an toàn, hiệu quả vào môi trường số.

b) Nâng cao năng lực số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu, cán bộ xây dựng chính sách, cán bộ chuyên trách chuyển đổi số, công nghệ thông tin và an toàn thông tin mạng, tổ công nghệ số cộng đồng, cán bộ hỗ trợ, hướng dẫn chuyển đổi số ở cơ sở.

c) Ưu tiên phát triển năng lực lãnh đạo số, quản trị số và ra quyết định dựa trên dữ liệu; bảo đảm đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kỹ năng số thường xuyên cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo trong cơ quan nhà nước.

d) Đổi mới giáo dục, đào tạo theo hướng phát triển tư duy số, AI, tư duy dữ liệu, năng lực sử dụng công nghệ, an toàn thông tin, sáng tạo và thích ứng với

thay đổi công nghệ. Ưu tiên đào tạo nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực công nghệ số chiến lược, dữ liệu, an toàn thông tin, điện toán đám mây, AI, nền tảng số và quản trị dữ liệu.

đ) Tăng cường đào tạo các ngành STEM, giáo dục nghề nghiệp số, đào tạo lại và đào tạo thường xuyên cho người lao động; thúc đẩy liên kết Nhà nước - nhà trường - doanh nghiệp, gắn đào tạo với nhu cầu thị trường và các chương trình, dự án chuyển đổi số.

e) Đẩy mạnh phổ cập kỹ năng số cơ bản, kỹ năng an toàn số, giao dịch số, thanh toán số, chữ ký số, định danh điện tử và sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Triển khai phong trào "Bình dân học vụ số"; phát triển các nền tảng hỗ trợ học tập suốt đời, kết nối đào tạo, việc làm và dự báo nhu cầu nhân lực.

g) Thu hẹp khoảng cách số, bảo đảm mọi người dân có cơ hội tiếp cận, sử dụng và thụ hưởng thành quả chuyển đổi số; ưu tiên hỗ trợ vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo và các nhóm yếu thế.

h) Thu hút, sử dụng, đãi ngộ và trọng dụng nhân tài, chuyên gia công nghệ số; khuyến khích doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học và chuyên gia tham gia các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

5. Phát triển doanh nghiệp công nghệ số

a) Phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh trở thành lực lượng nòng cốt để tiếp thu, làm chủ, phát triển và ứng dụng công nghệ số, giải quyết các bài toán lớn của chuyển đổi số tỉnh, bảo đảm tự chủ và nâng cao năng lực cạnh tranh. Doanh nghiệp công nghệ số phải là lực lượng chủ lực trong phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, công nghiệp công nghệ số và đưa công nghệ số vào mọi ngành, lĩnh vực, địa bàn.

b) Ưu tiên hình thành hệ sinh thái doanh nghiệp công nghệ số "Make in Viet Nam" có năng lực cạnh tranh khu vực và quốc tế, với nòng cốt là các doanh nghiệp phát triển nền tảng số, dữ liệu, AI, an toàn thông tin mạng, điện toán đám mây, bán dẫn, phần mềm, nội dung số và cung cấp giải pháp chuyển đổi số theo ngành, lĩnh vực.

c) Phát huy vai trò của Nhà nước là thị trường lớn và khách hàng quan trọng của doanh nghiệp công nghệ số. Nhà nước tạo không gian thử nghiệm và thị trường ban đầu cho sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trong nước thông qua đặt hàng, giao nhiệm vụ, mua sắm công, thuê dịch vụ công nghệ số, thử nghiệm có kiểm soát và ưu tiên ứng dụng trong các bài toán lớn của quốc gia, nhất là dịch vụ công trực tuyến, nền tảng số dùng chung, cơ sở dữ liệu dùng chung, an toàn thông tin mạng, y tế số, giáo dục số, thanh toán số và quản trị số.

d) Hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số nâng cao năng lực nghiên cứu, thiết kế, phát triển sản phẩm, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn chất lượng, an toàn, bảo mật, thương mại hóa và mở rộng thị trường. Khuyến khích liên kết giữa doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp nhỏ và vừa, viện nghiên cứu, trường đại học, trung tâm đổi mới sáng tạo, khu công nghệ cao và các ngành, địa phương để hình thành chuỗi giá trị công nghệ số, góp phần tăng tỷ lệ giá trị gia tăng nội địa trong sản phẩm, dịch vụ số.

đ) Thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi số doanh nghiệp trong toàn nền kinh tế, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh và các ngành, lĩnh vực có lợi thế của tỉnh. Triển khai các chương trình hỗ trợ chuyển đổi số, thiết thực, dễ tiếp cận; hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng nền tảng số, dữ liệu, AI, thương mại điện tử, thanh toán số, hóa đơn điện tử, hợp đồng điện tử, chữ ký số và các giải pháp quản trị số trong sản xuất, kinh doanh. Phát triển thương mại điện tử, kinh tế nền tảng, kinh tế dữ liệu và các mô hình kinh doanh số mới; giúp doanh nghiệp đổi mới mô hình quản trị, mô hình kinh doanh, nâng cao năng suất, giảm chi phí, mở rộng thị trường, tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị số, góp phần nâng cao tỷ trọng kinh tế số trong GRDP.

e) Ưu tiên phát triển doanh nghiệp công nghệ số hoạt động trong các lĩnh vực công nghệ chiến lược, công nghệ lõi, công nghệ tiên tiến như AI, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, an toàn thông tin mạng, bán dẫn, chuỗi khối, Internet vạn vật, robot, tự động hóa, thực tế mở rộng, công nghệ lượng tử và các công nghệ số mới nổi. Khuyến khích doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp công nghệ dẫn dắt đổi mới sáng tạo, hỗ trợ hệ sinh thái doanh nghiệp nhỏ và vừa trong chuyển đổi số.

6. Tăng cường hợp tác quốc tế

a) Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về chuyển đổi số theo hướng chủ động, thực chất, có chọn lọc, gắn với lợi ích quốc gia - dân tộc, yêu cầu bảo đảm chủ quyền số. Hợp tác quốc tế phải phục vụ trực tiếp mục tiêu phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; nâng cao thứ hạng của Quảng Ngãi về chính quyền điện tử, chính quyền số, góp phần phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

b) Chủ động tham gia xây dựng, định hình và thực thi các nguyên tắc, tiêu chuẩn, quy chuẩn, khuôn khổ hợp tác quốc tế về quản trị dữ liệu, AI, an toàn thông tin mạng, định danh số, chữ ký số, thanh toán số, thương mại số, dịch vụ số, bảo vệ dữ liệu cá nhân, quản trị nền tảng số và kinh tế số.

c) Mở rộng hợp tác với các quốc gia, tổ chức quốc tế, tập đoàn công nghệ, viện nghiên cứu, trường đại học hàng đầu trên thế giới để tiếp nhận tri thức, chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực chất lượng cao, phát triển hạ tầng chuyển đổi số, trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây, hạ tầng tính toán hiệu năng cao.

d) Ưu tiên hợp tác trong các lĩnh vực công nghệ số chiến lược, công nghệ lõi và công nghệ mới nổi; đồng thời bảo đảm nguyên tắc không phụ thuộc công nghệ, không lệ thuộc nền tảng, kiểm soát được các rủi ro về dữ liệu, an ninh mạng, chuỗi cung ứng, tiêu chuẩn kỹ thuật và chủ quyền số. Hợp tác quốc tế phải đi đôi với nâng cao năng lực nghiên cứu, phát triển, hấp thụ, làm chủ và sáng tạo công nghệ.

đ) Phát huy vai trò của hợp tác quốc tế trong xử lý các vấn đề xuyên biên giới như an ninh mạng, tội phạm công nghệ cao, bảo vệ dữ liệu, phòng chống thông tin xấu độc, bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng và bảo đảm quyền lợi người dân, doanh nghiệp Việt Nam trong không gian số. Gắn hợp tác quốc tế về chuyển đổi số với ngoại giao kinh tế, ngoại giao công nghệ, thu hút đầu tư chất

lượng cao, phát triển thị trường xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ số và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và huy động từ các nguồn tài trợ, đầu tư hợp pháp khác.

2. Việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch bảo đảm đúng mục đích, hiệu quả và theo đúng quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì tổ chức triển khai, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai Chiến lược.

- Định kỳ, đột xuất tổng hợp báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình, kết quả triển khai thực hiện theo quy định.

2. Sở Tài chính: Trên cơ sở nhu cầu của các cơ quan, đơn vị và khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định hiện hành.

3. Công an tỉnh

- Chủ trì triển khai hành lang pháp lý liên quan đến dữ liệu, cơ sở dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương bảo đảm an ninh mạng, an ninh dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, phòng chống tội phạm công nghệ cao và các nguy cơ phát sinh trên môi trường số.

- Chủ trì triển khai các giải pháp giám sát, điều hành, phát hiện, cảnh báo và ứng cứu sự cố đối với hạ tầng số quan trọng, nền tảng số dùng chung, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các hệ thống thông tin thiết yếu trên địa bàn tỉnh.

4. Các sở, ban, ngành, địa phương theo chức năng nhiệm vụ

- Tổ chức quán triệt, cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch vào chương trình, kế hoạch của cơ quan, đơn vị, địa phương; xác định rõ lộ trình, nhiệm vụ, nguồn lực và trách nhiệm thực hiện đối với từng mục tiêu, chỉ tiêu thuộc phạm vi quản lý.

- Chủ động rà soát, tham mưu, đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách liên quan đến ngành, lĩnh vực quản lý.

- Bố trí nhân lực, kinh phí, hạ tầng và các điều kiện cần thiết khác để thực hiện kế hoạch; lồng ghép, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực từ các chương trình, kế hoạch, đề án có liên quan; ưu tiên triển khai các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách, có tác động lan tỏa.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan có liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện; kết nối, chia sẻ, cung cấp thông tin, dữ liệu theo quy định.

- Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch để xây dựng dự toán, đề xuất và bố trí kinh phí cụ thể để triển khai thực hiện theo quy định; huy động các nguồn vốn hợp pháp khác; đẩy mạnh huy động các nguồn lực tài chính từ các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp tham gia thực hiện Kế hoạch theo quy định pháp luật; lồng ghép các nhiệm vụ của Kế hoạch với các chương trình mục tiêu quốc gia khác có liên quan.

- Định kỳ, đột xuất báo cáo tình hình, kết quả thực hiện gửi Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp theo quy định.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:
- Bộ Khoa học và Công nghệ (báo cáo);
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Thống kê tỉnh Quảng Ngãi;
- Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 9;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- VP UBND tỉnh: CVP, PCVP, TTHN;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX$_{TPC}$.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Trần Phước Hiền

Phụ lục I

Nội dung phân công đơn vị chủ trì, phối hợp, dự kiến kết quả, thời gian của các mục tiêu cụ thể

(Kèm theo Kế hoạch số 298/KH-UBND ngày 07/8/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Chỉ tiêu cụ thể	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Cơ quan phối hợp thực hiện
A	**MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030**		
I	**Nhóm mục tiêu về phát triển chính phủ số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động**		
1	100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
2	99% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
3	100% sở, ban ngành, địa phương sử dụng thống nhất, hiệu quả các nền tảng số dùng chung quốc gia phục vụ chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ công	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
4	100% hệ thống thông tin được kết nối, chia sẻ dữ liệu qua dịch vụ chia sẻ dữ liệu	Sở Khoa học và Công nghệ; Công an tỉnh	Các sở, ban ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
5	100% cơ sở dữ liệu dùng chung ngành, lĩnh vực, cấp tỉnh được chuẩn hóa, kết nối, phân quyền và sẵn sàng khai thác cho AI	Công an tỉnh	Các sở, ban ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
6	Đảm bảo trung tâm điều hành thông minh cấp tỉnh được nâng cấp theo hướng tích hợp AI phục vụ phân tích, dự báo, cảnh báo, giám sát và hỗ trợ ra quyết định	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban ngành; UBND các xã, phường, đặc khu

STT	Chỉ tiêu cụ thể	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Cơ quan phối hợp thực hiện
7	100% cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước có hồ sơ điện tử theo quy định	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
8	70% số chỉ tiêu thống kê thuộc các hệ thống chỉ tiêu thống kê được biên soạn từ nguồn dữ liệu hành chính	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
9	100% cán bộ lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước được đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng số	Sở Nội vụ; Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
10	100% cán bộ chuyên trách về chuyển đổi số, công nghệ thông tin được đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật công nghệ số	Sở Nội vụ; Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
11	100% cán bộ, công chức, viên chức có tài khoản và được đào tạo sử dụng nền tảng trợ lý AI công vụ	Sở Nội vụ; Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
II	**Nhóm mục tiêu về phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế**		
12	Quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 30% GRDP	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
13	Phấn đấu Hỗ trợ tối thiểu 5.000 doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
14	Phấn đấu Tỷ trọng doanh thu thương mại điện tử so với tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt từ 15 - 17%	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu

STT	Chỉ tiêu cụ thể	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Cơ quan phối hợp thực hiện
15	Phấn đấu đạt 45% số doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trong lĩnh vực thương mại tham gia các sàn thương mại điện tử lớn trong và ngoài nước	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
16	Phấn đấu giá trị thanh toán không dùng tiền mặt gấp 30 lần GRDP	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 9	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
17	Phấn đấu trên 40% doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận, sử dụng nền tảng "mô hình như một dịch vụ", tác nhân AI hoặc giải pháp AI dùng chung	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu
III	**Nhóm mục tiêu về phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân**		
18	Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ 100% hộ gia đình	Sở Khoa học và Công nghệ	Các doanh nghiệp Viễn thông trên địa bàn tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu
19	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác đạt tối thiểu 95%	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực 9	Các ngân hàng; doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mobile money trên địa bàn tỉnh
20	Phấn đấu tỷ lệ dân số từ 18 tuổi trở lên có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 70%	Sở Khoa học và Công nghệ	Các doanh nghiệp Viễn thông trên địa bàn tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu
21	Phấn đấu tỷ lệ người dân được lập sổ sức khỏe điện tử đạt 100%	Sở Y tế	Công an tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu

STT	Chỉ tiêu cụ thể	Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá	Cơ quan phối hợp thực hiện
22	Phấn đấu đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng số cơ bản cho tối thiểu 1.500.000 lượt người trong độ tuổi lao động	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Nội vụ; Sở Khoa học và Công nghệ
B	**MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2045**		
23	Phấn đấu Quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 50% GRDP, kinh tế số trở thành một trong những động lực phát triển chủ yếu của nền kinh tế	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu

Phụ lục II

DANH MỤC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

(Kèm theo Kế hoạch số: 298/KH-UBND ngày 07/8/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời hạn hoàn thành
I	**HOÀN THIỆN THỂ CHẾ SỐ**				
1	Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong các lĩnh vực chuyên ngành để đáp ứng yêu cầu điều chỉnh các mối quan hệ mới phát sinh trong tiến trình chuyển đổi số, khuyến khích đổi mới sáng tạo.	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ	Văn bản quy phạm pháp luật	Thường xuyên
2	Rà soát, đánh giá các chương trình, đề án, kế hoạch về phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; nâng cao nhận thức, bồi dưỡng, đào tạo kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và các nội dung khác đã được cấp có thẩm quyền ban hành, bảo đảm thống nhất, đồng bộ với Luật Chuyển đổi số và Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số; nếu cần thiết, đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc tích hợp các nội dung không còn phù hợp.	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nội vụ	Công an tỉnh; các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Báo cáo rà soát, đánh giá; danh mục chương trình, đề án, kế hoạch cần sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc tích hợp	2026
3	Triển khai Luật An ninh dữ liệu	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Văn bản, kế hoạch triển khai	Năm 2026 *(Sau khi chính phủ ban hành)*

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời hạn hoàn thành
4	Triển khai Nghị định quy định về hoạt động định danh, xác thực và truy xuất nguồn gốc hàng hóa, nhằm hoàn thiện hành lang pháp lý thống nhất cho quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu quốc gia; Nghị định thay thế Nghị định số 169/2007/NĐ-CP ngày 19/11/2007 về huy động tiềm lực khoa học và công nghệ phục vụ công tác công an.	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Văn bản, kế hoạch triển khai	Năm 2026 *(Sau khi chính phủ ban hành)*
5	Triển khai Nghị quyết quy phạm pháp luật về phát triển công dân số theo hướng huy động toàn thể nhân dân tham gia vào công cuộc chuyển đổi số, thành thạo kỹ năng số, trở thành công dân số tích cực, tham gia kiến tạo xã hội số, kinh tế số, chính phủ số.	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Văn bản, kế hoạch triển khai	Năm 2026 *(Sau khi chính phủ ban hành)*
6	Triển khai các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật An ninh mạng, Luật Bảo vệ bí mật nhà nước, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Lý lịch tư pháp.	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Văn bản, kế hoạch triển khai	Năm 2026 *(Sau khi chính phủ ban hành)*
7	Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về doanh nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo, sở hữu trí tuệ, thương mại, đầu tư, kinh doanh để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi số và phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới dựa trên công nghệ số, Internet và không gian mạng.	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ	Văn bản quy phạm pháp luật	Thường xuyên

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời hạn hoàn thành
8	Xây dựng, cập nhật và giám sát việc triển khai Khung kiến trúc tổng thể số tỉnh Quảng Ngãi	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Khung kiến trúc tổng thể số tỉnh Quảng Ngãi. Các văn bản hướng dẫn, hội thảo, hội nghị	2026 - 2030
9	Xây dựng, duy trì, cập nhật Kiến trúc dữ liệu, Khung quản trị, quản lý dữ liệu, từ điển dữ liệu dùng chung tỉnh Quảng Ngãi	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh; Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	2026 - 2030
10	Triển khai Bộ chỉ số và Khung hướng dẫn mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu; Cơ chế, chính sách cụ thể để các bộ, ngành, địa phương chủ động thực hiện việc chuẩn hóa, mở, chia sẻ và đưa dữ liệu đủ điều kiện lên Sàn dữ liệu, thúc đẩy hình thành và phát triển thị trường dữ liệu, gắn với cơ chế minh bạch về quyền sở hữu, quyền khai thác, thương mại hóa dữ liệu và phân phối giá trị từ dữ liệu; Chiến lược dữ liệu quốc gia.	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Văn bản, kế hoạch triển khai	Năm 2026 *(Sau khi chính phủ ban hành)*
11	Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định.	Sở Khoa học và Công nghệ; Văn phòng UBND tỉnh; Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Các quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng được chuẩn hóa, điện tử hóa	2026 - 2030

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời hạn hoàn thành
II	**PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG SỐ**				
1	Phát triển hạ tầng chính quyền số phục vụ cơ quan nhà nước trên cơ sở kết hợp thế mạnh của Mạng truyền số liệu chuyên dùng, mạng Internet, trung tâm dữ liệu của cơ quan nhà nước để phục vụ kết nối liên thông, xuyên suốt 3 cấp hành chính, sử dụng cơ chế mã hóa và công nghệ bảo đảm an toàn, an ninh mạng do Việt Nam làm chủ một cách an toàn, bảo mật. Tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin của các đơn vị, địa phương, chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số ứng dụng công nghệ điện toán đám mây phục vụ kết nối, quản lý các nguồn lực, dữ liệu của cơ quan nhà nước một cách an toàn, linh hoạt, ổn định và hiệu quả.	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ	Hạ tầng số của các đơn vị, địa phương hoạt động ổn định, thông suốt các cấp	Thường xuyên
2	Phát triển Mạng truyền số liệu chuyên dùng thành hạ tầng số dùng riêng; bảo đảm chất lượng, an toàn, an ninh thông tin, bí mật nhà nước phục vụ kết nối, liên thông, đồng bộ, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan trong cả hệ thống chính trị từ Trung ương đến cấp xã.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Mạng truyền số liệu chuyên dùng thành hạ tầng số dùng riêng	2026 - 2030
3	Chỉ đạo phủ sóng 5G toàn tỉnh, bảo đảm chất lượng cao tại các khu công nghiệp, đô thị lớn.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu; các doanh nghiệp viễn thông	Mạng 5G được phủ sóng tại các khu công nghiệp, đô thị lớn	2026 - 2030

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời hạn hoàn thành
4	Ưu tiên hạ tầng triển khai bản sao số, hệ thống phân tích, mô phỏng, dự báo và hỗ trợ ra quyết định trong các lĩnh vực có nhu cầu điều hành thời gian thực, quản trị hạ tầng, sản xuất, năng lượng, tài nguyên, môi trường, nông nghiệp, đô thị và dịch vụ công thiết yếu.	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ	Hình thành và đưa vào vận hành hiệu quả các nền tảng dữ liệu, bản sao số, hệ thống phân tích, mô phỏng, dự báo và hỗ trợ ra quyết định phục vụ điều hành thời gian thực, quản trị hạ tầng và phát triển các lĩnh vực thiết yếu	2026 - 2030
5	Phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT); xây dựng lộ trình và triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, năng lượng, điện, nước, đô thị để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số. Tất cả các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng thiết yếu, hạ tầng giao thông, đô thị, xây dựng phải có nội dung nghiên cứu, phân tích để xem xét, bổ sung hạng mục ứng dụng, kết nối mạng IoT, tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số. Các nội dung phát triển hạ tầng IoT phải bảo đảm hiệu quả, phát triển các hạ tầng dùng chung, tránh đầu tư trùng lặp.	Các sở, ban, ngành	Sở Xây dựng; Sở Khoa học và Công nghệ	Hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT) được triển khai rộng khắp	2026 - 2030

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời hạn hoàn thành
6	Đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành quy định về công trình hạ tầng kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý bắt buộc tích hợp thiết bị cảm biến và các ứng dụng công nghệ số khác, kèm theo lộ trình áp dụng phù hợp.	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn bản tham mưu, đề xuất	2026 - 2030
III	**PHÁT TRIỂN DỮ LIỆU SỐ, NỀN TẢNG SỐ DÙNG CHUNG**				
1	Xây dựng Kho dữ liệu dùng chung để tập hợp dữ liệu đa dạng (cấu trúc và phi cấu trúc). Phát triển hệ thống xử lý dữ liệu thông minh riêng để xử lý, phân tích và khai phá dữ liệu nhằm tạo ra các thông tin giá trị phục vụ chỉ đạo điều hành.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Kho dữ liệu dùng chung và hệ thống xử lý dữ liệu thông minh	2026 - 2030
2	Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước đối với các ngành, lĩnh vực và hỗ trợ doanh nghiệp phát triển. Tập trung hoàn thành việc số hóa và làm sạch các cơ sở dữ liệu cốt lõi, chuyên ngành như đất đai, nhà ở… gắn định danh chủ sở hữu với số định danh cá nhân để phục vụ công tác quản lý nhà nước.	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu chuyên ngành	2026 - 2030
3	Thực hiện tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ đối với 100% thủ tục hành chính thiết yếu theo hướng cắt giảm tối đa giấy tờ, bắt buộc áp dụng nguyên tắc người dân không phải khai báo lại các thông tin đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Văn phòng UBND tỉnh; Công an tỉnh, Sở Tư pháp	Các quy trình nghiệp vụ được tái cấu trúc	2026

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời hạn hoàn thành
4	Thúc đẩy phát triển và ứng dụng các nền tảng truy xuất nguồn gốc, minh bạch chuỗi cung ứng, xác thực và chia sẻ dữ liệu phục vụ sản xuất, thương mại, logistics, nông nghiệp, xuất khẩu và các lĩnh vực có yêu cầu cao về minh bạch, tiêu chuẩn và kết nối thị trường.	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Công thương; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Xây dựng	Hình thành và mở rộng ứng dụng hiệu quả các nền tảng truy xuất nguồn gốc, minh bạch chuỗi cung ứng, xác thực và chia sẻ dữ liệu, góp phần nâng cao năng lực sản xuất, thương mại, logistics, xuất khẩu và kết nối thị trường	2026 - 2030
5	Phát triển, thử nghiệm, ứng dụng và nhân rộng các nền tảng AI dùng chung và AI chuyên ngành phục vụ chỉ đạo, điều hành, cung cấp dịch vụ công, quản lý nhà nước và phát triển ngành, lĩnh vực.	Các sở, ban ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ	Hình thành, làm chủ, triển khai hiệu quả và nhân rộng các nền tảng AI dùng chung, AI chuyên ngành phục vụ chỉ đạo, điều hành, cung cấp dịch vụ công, quản lý nhà nước và phát triển ngành, lĩnh vực	2026 - 2030
6	Ứng dụng AI để hỗ trợ người dân thực hiện thủ tục, tự động điền biểu mẫu và tự động thẩm định các hồ sơ đơn giản nhằm chuyển từ dịch vụ công trực tuyến sang dịch vụ công trực tuyến tự động.	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ	Giảm 50% thời gian xử lý thủ tục hành chính nhờ ứng dụng AI, giúp giảm tải cho bộ máy hành chính	2026 - 2030

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời hạn hoàn thành
				và giảm thiểu rủi ro những nhiễu	
7	Phát triển, thử nghiệm, ứng dụng và nhân rộng AI trong quản trị địa phương, sản xuất công nghiệp, giáo dục, y tế, nông nghiệp thông minh, doanh nghiệp, sản xuất kinh doanh; ban hành hướng dẫn về đạo đức AI, quản trị rủi ro AI, trách nhiệm pháp lý và bảo đảm an ninh mạng cho hệ thống AI.	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh	Các mô hình ứng dụng AI trong quản trị địa phương, sản xuất công nghiệp, giáo dục, y tế, nông nghiệp thông minh, doanh nghiệp và sản xuất kinh doanh được phát triển, thử nghiệm, đánh giá và nhân rộng; đồng thời ban hành hướng dẫn về đạo đức AI, quản trị rủi ro AI, trách nhiệm pháp lý và bảo đảm an ninh mạng cho hệ thống AI	2026 - 2030
8	Cung cấp dữ liệu mở, hiện trạng và lộ trình xây dựng dữ liệu trong các cơ quan nhà nước, mức độ chia sẻ, sử dụng dữ liệu và các thông tin cần thiết để kết nối; đánh giá, xếp hạng công khai mức độ phát triển dữ liệu.	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh	Các bộ dữ liệu mở	2026 - 2030
9	Tập trung nguồn lực đẩy nhanh tiến độ đo đạc lập bản đồ địa chính; đăng ký đất đai; lập hồ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Công an tỉnh; UBND các xã, phường, đặc khu	Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai	2026

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời hạn hoàn thành
	sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.				
IV	**PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC SỐ**				
1	Xây dựng chương trình tiếp tục nâng cao nhận thức, đào tạo, tập huấn kỹ năng về chuyển đổi số, kỹ năng sử dụng AI, kỹ năng an toàn trên không gian mạng cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan nhà nước và người dân.	Sở Nội vụ; Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Các chương trình	2026 - 2030
2	Triển khai các mô hình dạy và học STEM/STEAM, kỹ năng số ngay từ cấp phổ thông.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các xã, phường, đặc khu	Các mô hình giáo dục	2026 - 2030
3	Khuyến khích mô hình học tập suốt đời, đào tạo lại cho người lao động trong các ngành chịu tác động mạnh của tự động hóa, AI và chuyển đổi xanh.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Mô hình được triển khai hiệu quả	2026 - 2030
4	Triển khai chương trình "Bình dân học vụ số" trên phạm vi toàn tỉnh để phổ cập kỹ năng cho người dân, ưu tiên nhóm đối tượng dễ bị tổn thương, người dân sinh sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn.	Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Người dân được trang bị kỹ năng số cơ bản	2026 - 2030
5	Chủ trì tổ chức phổ biến, truyền thông, triển khai hiệu quả Bộ Quy tắc ứng xử văn hóa trên môi trường số.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Bộ Quy tắc ứng xử văn hóa trên môi trường số cập nhật, các hội nghị phổ	Thường xuyên

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời hạn hoàn thành
				biến, các tài liệu truyền thông trực quan, báo cáo đánh giá sơ kết, tổng kết hiệu quả triển khai, báo cáo chuyên đề	
6	Đẩy mạnh các hoạt động của Mạng lưới chuyển đổi số tại cơ sở, đặc biệt là các tổ công nghệ số cộng đồng; có chính sách hỗ trợ hoạt động của tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã, phường, kết hợp xã hội hóa nhằm phát huy hiệu quả hoạt động.	Sở Khoa học và Công nghệ	UBND các xã, phường, đặc khu	Hình thành Mạng lưới chuyển đổi số tại cơ sở, nòng cốt là tổ công nghệ số cộng đồng	2026 - 2030
7	Phổ cập công dân số, hình thành, phát triển ứng dụng công dân số của địa phương, tích hợp đa tiện ích, kết nối với VNeID	Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ	UBND các xã, phường, đặc khu	Ứng dụng công dân số	2026 - 2030
V	**PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ SỐ**				
1	Thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, làm chủ và ứng dụng các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm, công nghệ số trong Danh mục công nghệ chiến lược phục vụ chuyển đổi số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm, công nghệ số chiến lược phục vụ chuyển đổi số	2026 - 2030
2	Mở rộng, phát triển kinh tế số từ việc số hóa, chuyển đổi các hoạt động kinh tế hiện hữu lên môi trường số đến kiến tạo các mô hình kinh doanh mới, ngành nghề mới và không gian tăng trưởng mới dựa trên công nghệ số, ưu	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Sở Khoa học và Công nghệ	Hình thành và phát triển các ngành kinh tế mới trên địa bàn tỉnh	2026 - 2030

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời hạn hoàn thành
	tiên phát triển các mô hình kinh tế số dựa trên công nghệ số chiến lược.				
3	Thúc đẩy doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã xây dựng hiện diện số trực tuyến trên Internet thông qua tên miền quốc gia ".vn" gắn với các dịch vụ số (website, email), nền tảng số nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường và tăng mức độ tin cậy trong giao dịch số.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã được hỗ trợ xây dựng hiện diện số trực tuyến trên Internet thông qua tên miền quốc gia ".vn" gắn với website, email và các dịch vụ số, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường và tăng độ tin cậy trong giao dịch số	Thường xuyên
4	Thúc đẩy phát triển hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ an toàn, an ninh mạng Việt Nam, thúc đẩy doanh nghiệp trong nước làm chủ công nghệ bảo mật.	Công an tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ an toàn, an ninh mạng Việt Nam	2026 - 2030
VI	**TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC QUỐC TẾ**				
1	Triển khai cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam đầu tư, mở rộng thị trường ra nước ngoài về công nghệ số, dịch vụ số mà Việt Nam có lợi thế.	Sở Công Thương	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Ngoại vụ	Văn bản, kế hoạch, chương trình, đề án triển khai cơ chế, chính sách	Theo hướng dẫn của Trung ương

STT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến kết quả	Thời hạn hoàn thành
2	Chủ động hợp tác quốc tế trong việc tham gia quản lý các tài nguyên chung trong môi trường số và trên không gian mạng; tham gia các tổ chức quốc tế và chủ trì, dẫn dắt triển khai một số sáng kiến về chuyển đổi số.	Các sở, ban ngành	Sở Khoa học và Công nghệ	Các hoạt động hợp tác quốc tế, biên bản ghi nhớ	2026 - 2030
3	Có chính sách ưu đãi đặc thù về môi trường làm việc để thu hút các chuyên gia công nghệ, nhà khoa học dữ liệu về làm việc.	Sở Nội vụ; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường, đặc khu	Các chính sách được ban hành	2026 - 2030